

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

TÊN SẢN PHẨM: Chè bưởi

Số: 72/TCB-FJM/2025

Tên công ty: CÔNG TY TNHH BÁN LẺ FUJIMART VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội, Việt Nam

ĐT: 024.3942.4565 – Website: fujimart.vn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 72/TCB-FJM/2025

I/ Thông tin tổ chức tự công bố:

- Tên công ty: **CÔNG TY TNHH BÁN LẺ FUJIMART VIỆT NAM**
- Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: 024-3942-4565 E-mail: thuy.nth@fujimart.vn
- Mã số doanh nghiệp: 0108432911
- Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATVSTP:
 - + Công ty TNHH Bán lẻ Fujimart Việt Nam – số 58/GCNATTPKD-SCT, ngày cấp 20/5/2024, nơi cấp: Sở Công Thương thành phố Hà Nội.
 - + Công ty TNHH Bán lẻ và Siêu thị Việt Nam – số 67/GCNATTPKD-SCT, ngày cấp 30/5/2024, nơi cấp: Sở Công Thương thành phố Hà Nội.
 - + Công ty TNHH Bán lẻ và Siêu thị Việt Nam – số 132/GCNATTPKD-SCT, ngày cấp 13/09/2024, nơi cấp: Sở Công Thương thành phố Hà Nội

II/ Thông tin sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Chè bưởi
 2. Thành phần: Nước, nguyên liệu thực phẩm: sét chè bưởi (40% đường thốt nốt, 30% tinh bột khoai mì, 20% đậu xanh cà vò, 6.4% bột cốt dừa, 3.5% cùi bưởi sấy khô khử đắng, 0,1% hương vani tổng hợp) 11.4%
 3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 3 ngày kể từ ngày sản xuất
 4. Hướng dẫn sử dụng: Sản phẩm ăn liền
 5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
 - Quy cách đóng gói: Thê tích thực (ở 20°C): 330 ml, 350 ml, 400 ml..... Quy cách có thể thay đổi tùy theo nhu cầu thị trường và được ghi rõ trên nhãn sản phẩm.
 - Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đựng trong túi PA, PP, OPP/CPP, hộp nhựa, hộp giấy, túi giấy được phép dùng trong thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.
 - Xuất xứ: Sản xuất tại Việt Nam
- Sản phẩm của Công ty: **CÔNG TY TNHH BÁN LẺ FUJIMART VIỆT NAM**
Địa chỉ trụ sở: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội, Việt Nam
- ❖ Sản xuất tại các địa điểm kinh doanh trực thuộc Công ty TNHH Bán lẻ Fujimart Việt Nam
- Địa điểm kinh doanh số 1: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
 - Địa điểm kinh doanh số 2: Tầng 1, tòa nhà Peakview Tower, số 36 phố Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
 - Địa điểm kinh doanh số 3: Tầng 1 và 2, Tòa nhà Oriental Tower, số 324 phố Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

- Địa điểm kinh doanh số 4: Tầng 2, tòa nhà Thương mại văn phòng và căn hộ Hateco Plaza lô đất số 4A, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
- Địa điểm kinh doanh số 5: Tầng 1, Tổ hợp thương mại văn phòng cho thuê Machinco 1, số 10, đường Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
- ❖ Sản xuất tại các địa điểm kinh doanh thuộc Công ty TNHH Bán lẻ và Siêu thị Việt Nam – Đơn vị trực thuộc Công ty TNHH Bán lẻ Fujimart Việt Nam
- Địa điểm kinh doanh số 1: Tầng 1, Tòa nhà CT2 (The Light), Khu đô thị Trung Văn, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
- Địa điểm kinh doanh số 2: Tầng 1, số 51 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.
- Địa điểm kinh doanh số 3: Tầng 1, Tòa nhà số 15 – 17 Ngọc Khánh, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.
- Địa điểm kinh doanh số 4: số 174 Lạc Long Quân, phường Bưởi, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
- Địa điểm kinh doanh số 5: Tầng 1, Tòa nhà MD Complex Tower, Khu đô thị Mỹ Đình I, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
- Địa điểm kinh doanh số 6: Số 89 Bùi Ngọc Dương, phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
- Địa điểm kinh doanh số 7: Tầng 1, 2 số 181 Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
- Địa điểm kinh doanh số 8: Số 04 phố Chính Kinh, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
- Địa điểm kinh doanh số 9: Tầng 2, Dự án Diamond Plaza, số 25 Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
- Địa điểm kinh doanh số 10: Tầng 1, tòa nhà Trung Yên 1, đường Trung Yên 1, khu đô thị Trung Yên, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

III/ Mẫu nhãn sản phẩm: Theo Thông tin mẫu nhãn đính kèm

- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa
- Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 của Chính phủ: Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP cấp ngày 14/04/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.

IV/ Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Sản phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm
- QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.
- Thông tư 24/2019/TT-BYT Thông tư quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của thủ tướng chính phủ: Quy định chi tiết thi hành một số điều luật của luật an toàn Thực Phẩm.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY
TNHH
BÁN LẺ
FUJIMART
VIỆT NAM

YUJI OHAMA

TY
H
LE
AR
GAN
T.F.

MẪU NHÃN DỰ KIẾN

Tên sản phẩm: Chè bưởi

Thành phần: Nước, nguyên liệu thực phẩm: sét chè bưởi (40% đường thốt nốt, 30% tinh bột khoai mì, 20% đậu xanh cà vỏ, 6.4% bột cốt dừa, 3.5% cùi bưởi sấy khô khử đắng, 0,1% hương vani tổng hợp) 11.4%

Ngày sản xuất: xem trên bao bì

Hạn sử dụng: 3 ngày kể từ ngày sản xuất

Hướng dẫn sử dụng: Sản phẩm ăn liền

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản lạnh, từ 2-5 độ C

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi có dấu hiệu hư hỏng

Thể tích thực (ở 20°C): xem trên bao bì

Số tự công bố: 72/TCB-FJM/2025

Xuất xứ: Sản xuất tại Việt Nam

Sản phẩm của: Công ty TNHH Bán lẻ Fujimart Việt Nam

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Sản xuất tại: (theo địa điểm sản xuất thực tế)



THÔNG TIN DINH DƯỠNG (Nutrition facts)	
Thành phần dinh dưỡng (Nutritional ingredients)	Trên 100g (Serving size 100g)
Năng lượng	64 Kcal
Carbohydrate	14.2 g
Chất béo	< 0.3 g
Protein	0.67 g
Natri	12.3 mg
Đường tổng	9.812 g
Hàm lượng dinh dưỡng không thấp hơn 80% giá trị ghi trên nhãn	



AR-24-VD-194458-02 / EUVNHC-00310077 - 01- Trang : 1 / 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

CÔNG TY TNHH BÁN LẺ FUJIMART VIỆT NAM

Số 142, đường Lê Duẩn, Phường Khâm Thiên, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : NGM22412180527-HN

Mã số mẫu : 743-2024-00190736

Mã số Eol :

005-32410-377858

Tên mẫu :

Chè bưởi

Tình trạng mẫu :

Mẫu đựng trong hộp nhựa

Ngày nhận mẫu :

18/12/2024

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 25/12/2024

Thời gian thử nghiệm :

19/12/2024 - 25/12/2024

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD334 VD (a) <i>Clostridium perfringens</i>	cfu/ g	ISO 15213-2:2023	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD353 VD (a) <i>Escherichia coli</i>	cfu/ g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=10)
3	VD373 VD (a) <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/ g	ISO 6888-1:2021/Amd 1: 2023	Không phát hiện (LOD=10)
4	VD21P VD Tổng số bào tử nấm men và nấm mốc	cfu/ g	AOAC 2014.05	Không phát hiện (LOD=10)
5	VD157 VD (a) Xơ Dinh Dưỡng	g/ 100 g	AOAC 991.43	1.15
6	VD304 VD (a) Đường tổng	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Ref. AOAC 977.20)	9.812
7	VD210 VD (a) Độ ẩm	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3496 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	83.7
8	VD297 VD (a) Tro tổng	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3497 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	Không phát hiện (LOD=0.05)
9	VD279 VD (a) Natri (Na)	mg/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3500 (Ref. AOAC 969.23)	12.3
10	VD855 VD (a) Cadimi (Cd)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
11	VD861 VD (a) Chì (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.017)
12	VD821 VD (a) Aflatoxin B1	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Ref. DIN EN 14123:2008-03)	Không phát hiện (LOD=0.5)
13	VD821 VD (a) Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Ref. DIN EN 14123:2008-03)	Không phát hiện (LOD=0.5)
14	VDERJ VD Carbohydrat (không bao gồm xơ dinh dưỡng)	g/ 100 g	FAO Food and Nutrition paper 77 Chapter 2/section 2.3:2003; AOAC 991.43	14.2
15	VDYL7 VD (a) Chất béo	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3498 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	Phát hiện vết (<0.3)
16	VDS54 VD (a) Chất đạm	g/ 100 g	TCVN 10034:2013; ISO 1871:2009	0.67
17	VD9T0 VD Năng lượng (bao gồm xơ dinh dưỡng)	kcal/ 100 g	FAO 2003 77	64.0





AR-24-VD-194458-02 / EUVNHC-00310077 - 01- Trang : 2 / 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2024-00190736

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
18	VD4V0 VD (a) Ochratoxin A	µg/ kg	ISO 15141:2018	Không phát hiện (LOD=0.2)

Phát hiện vết: kết quả $\geq$ LOD và $<$ LOQ

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp

Ký tên

Trần Thị Mỹ Dung
Giám đốc Chi nhánh Hà NộiLý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 07/01/2025, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 07/01/2025.

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kiem-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

(*Kết quả này thay cho kết quả số AR-24-VD-194458-01/743-2024-00190736, xuất ngày 30/12/2024; bản kết quả cũ sẽ bị hủy.)





AR-25-VD-001617-01 / EUVNHC-00312560- Trang : 1 / 1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

CÔNG TY TNHH BÁN LẺ FUJIMART VIỆT NAM

Số 142, đường Lê Duẩn, Phường Khâm Thiên, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : NGM22412311027-HN

Mã số mẫu : 743-2024-00198145

Mã số Eol : 005-32410-384369
Tên mẫu : Chè bưởi
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong hộp nhựa
Ngày nhận mẫu : 31/12/2024 Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 04/01/2025
Thời gian thử nghiệm : 31/12/2024 - 03/01/2025

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD398 VD (a) <i>Bacillus cereus</i>	cfu/ g	AOAC 980.31	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD325 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ g	ISO 4833-1:2013/Amd. 1:2022	9.5x10 ⁴
3	VD340 VD (a) Coliforms	cfu/ g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	Không phát hiện (LOD=10)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên



Trần Thị Mỹ Dung
Giám đốc Chi nhánh Hà Nội



Ly Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 19/02/2025, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 19/02/2025.

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.
Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sack-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.
Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sacký Hải Đăng xây dựng.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sacký Hải Đăng.
(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.